

BAN TỔ CHỨC CHÀO BÁN CẠNH TRANH CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ CHÀO BÁN CẠNH TRANH TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA CHÀO BÁN CẠNH TRANH. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

## CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

### TẠI

### CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

#### TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



#### TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CHI NHÁNH KHU VỰC PHÍA NAM

Địa chỉ: 16 Trương Định, P.6, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 62992082

Fax: (84-8) 62992085

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



#### CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P.Bình Đức, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.763) 852393 - 852368 Fax : (84.76) 852 202

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN



#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6276 2666

Fax: (84-4) 6276 5666

Hà Nội, tháng 09 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THUỶ SẢN AN GIANG**

*Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/08/2001, đăng ký và thay đổi lần thứ 20, ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang*

**CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)**

Tên công ty	: Công ty Cổ Phần XNK Thủy sản An Giang
Vốn điều lệ hiện tại	: 281.097.430.000 đồng
Tổng số cổ phần	: 28.109.743 cổ phần

***Thông tin về đợt chào bán***

Tên cổ phần chào bán	: Cổ phần Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản An Giang
Mã cổ phiếu	: AGF (niêm yết trên sàn HSX)
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	: 2.316.892 cổ phần (tương đương 8,24% vốn điều lệ)
Tổng giá trị chào bán	: 23.168.920.000 đồng



**MỤC LỤC**

<b>I.</b>	<b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>5</b>
1.	RỦI RO VỀ KINH TẾ .....	5
2.	RỦI RO LUẬT PHÁP .....	5
3.	RỦI RO ĐẶC THÙ.....	5
4.	RỦI RO DO TÁC ĐỘNG CỦA HIỆN TƯỢNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU .....	7
5.	RỦI RO CẠNH TRANH.....	7
6.	RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN .....	8
7.	RỦI RO KHÁC.....	8
<b>II.</b>	<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>9</b>
1.	TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN ĐƯỢC THOẢI VỐN .....	9
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN .....	9
<b>III.</b>	<b>CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>10</b>
<b>IV.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>11</b>
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	11
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY.....	13
3.	CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY .....	15
4.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NĂM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY .....	17
5.	DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	18
6.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	18
7.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 03 NĂM GẦN NHẤT.....	31
8.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH.....	33
9.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG .....	35
10.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC .....	36
11.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	37
12.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT .....	42
13.	TÀI SẢN.....	43
14.	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2015 -2016.....	48
<b>V.</b>	<b>THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN CỔ PHẦN .....</b>	<b>50</b>
1.	NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC CHÀO BÁN .....	50
2.	MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHÀO BÁN .....	50
3.	ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	51
4.	ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CHÀO BÁN CẠNH TRANH VÀ CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN .....	51
5.	NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA CHÀO BÁN CẠNH TRANH.....	52
6.	LẬP VÀ NỘP PHIẾU THAM DỰ CHÀO BÁN CẠNH TRANH.....	53
7.	LÀM THỦ TỤC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN .....	53
<b>VI.</b>	<b>THAY LỜI KẾT.....</b>	<b>53</b>



**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

<i>Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 26/8/2015 .....</i>	<i>13</i>
<i>Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 26/8/2015 .....</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 3: Công ty mẹ của AGIFISH .....</i>	<i>18</i>
<i>Bảng 5: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh .....</i>	<i>31</i>
<i>Bảng 6: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/9/2015 .....</i>	<i>35</i>
<i>Bảng 7: Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ .....</i>	<i>37</i>
<i>Bảng 8: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 9: Số dư các quỹ .....</i>	<i>39</i>
<i>Bảng 10: Tổng dư nợ vay 30/9/2015 .....</i>	<i>39</i>
<i>Bảng 11: Các khoản phải thu .....</i>	<i>39</i>
<i>Bảng 12: Các khoản phải trả .....</i>	<i>40</i>
<i>Bảng 13: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>	<i>41</i>
<i>Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT .....</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 15: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng .....</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 16: Danh sách Ban kiểm soát.....</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 17: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/9/2015 .....</i>	<i>43</i>
<i>Bảng 18: Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng .....</i>	<i>44</i>
<i>Bảng 19: Kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2015 - 2016 của AGF .....</i>	<i>48</i>



**CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/06/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 13/2016/Agriseco-SCIC ngày 30/6/2016 giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-ĐTKDV ngày 14/09/2016 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang;
- Theo chấp thuận và phê duyệt của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại công văn số 2038/ĐTKDV-CNPN ngày 14/09/2016 về Hồ sơ bán chào bán cạnh tranh cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang.



## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản cho quyết định của nhà đầu tư. Xem xét sự biến động tình hình sản xuất kinh doanh của công ty là gián tiếp dự đoán giá cả của chứng khoán công ty. Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

### **2. Rủi ro luật pháp**

Mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng của bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế. Tuy nhiên hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành còn chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Mặt khác, do đặc thù của AGIFISH là sản xuất nên việc thay đổi các chính sách pháp luật về thuế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan theo những cam kết của Việt Nam khi tham gia và ký kết những hiệp định chung về thương mại. Bên cạnh đó, AGIFISH cũng gặp nhiều khó khăn đối với các quy định pháp luật có phần chặt chẽ, yêu cầu cao về mặt kỹ thuật, chất lượng của các nước nhập khẩu sản phẩm của Công ty đặc biệt là các thị trường được xem là “khó tính” như: Nhật, Mỹ, EU... Những công ty xuất khẩu thủy sản nói chung và AGIFISH nói riêng sẽ chịu nhiều thiệt thòi nếu không tìm hiểu kỹ hoặc không thực hiện hiện đúng quy định của các nước sở tại.

Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Điều này cũng tạo được điều kiện thuận lợi hơn để Công ty có thể đưa ra các kế hoạch kinh doanh.

### **3. Rủi ro đặc thù**

#### **➤ Rủi ro nguyên liệu**

Một yếu tố rủi ro quan trọng trong hoạt động sản xuất của AGIFISH đó là nguyên liệu đầu vào (cá bè, ao hàm). Như vậy phần lớn sự biến đổi tích cực hay tiêu cực nào của nguồn



nguyên liệu đều ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty.

Hiện nay, cá Tra và cá Basa (nguyên liệu chính) được ngư dân nuôi ao, hầm theo phương pháp công nghiệp có sản lượng rất cao, chi phí thấp và luân chuyển trong năm. Trong các năm qua, số bè cá trong khu vực giảm đáng kể do nuôi không được nhiều, chi phí cao, hiệu quả thấp. Bên cạnh đó ngư dân đã biết kết hợp giữa kinh nghiệm bản thân và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nuôi thủy sản vào quy trình sản xuất của mình, làm cho hiệu quả nuôi ao, hầm tăng lên. Tuy nhiên sự phát triển một cách nhanh chóng các ao, hầm nuôi cá, tập trung phần lớn nơi đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu đã phần nào ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, làm tăng khả năng xuất hiện dịch bệnh ở cá. Mặt khác khi nguồn cung tăng, giá bán cá bè giảm, hiệu quả thấp đi, có thể dẫn đến hậu quả là ngư dân bị thiệt hại sẽ bỏ dần việc nuôi cá, làm biến động thị trường đầu vào của Công ty.

Điều kiện tự nhiên là một yếu tố rủi ro trong hoạt động nuôi cá bè. Khi thời tiết thay đổi cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến số lượng và chất lượng nguồn nước cá sinh sống. Chẳng hạn như vào đầu mùa lũ (tháng 5, 6) nước từ đầu nguồn đổ về cuốn theo phù sa và ký sinh trùng làm thay đổi đột ngột nguồn nước ảnh hưởng đến sinh lý cá và gây nên các hiện tượng bệnh lý. Khi mùa nước xuống (tháng 1,2), nồng độ các chất độc hại trong nước tăng cao do phèn, thuốc trừ sâu từ ruộng lúa đổ ra sông, ảnh hưởng đến đời sống và chất lượng của cá nuôi.

Hầu hết các ngư dân đều đã chủ động trong việc phòng chống rủi ro bằng cách giảm mật độ nuôi, tăng cường công tác quản lý chăm sóc ao, hầm và luôn tuân thủ nguyên tắc phòng bệnh hơn chữa bệnh.

Các Xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh của Công ty nằm trong vùng cung cấp nguyên liệu rất thuận lợi cho việc vận chuyển bằng cả đường bộ lẫn đường thủy. Tuy nhiên tỉnh An Giang lại là một tỉnh nằm trong khu vực tứ giác Long Xuyên, đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu, một vùng thường xảy ra lũ lụt hàng năm. Mỗi khi lũ về giao thông vận chuyển thường gặp khó khăn.

Với những điều kiện thiên nhiên tại Biển Hồ khá tốt, Campuchia có thể trở thành một nơi nuôi cá bè, ao hầm và sản xuất chế biến cá Tra và cá Basa lớn trong khu vực. Điều này có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu cá Tra và cá Basa của Việt Nam

#### ➤ **Rủi ro thị trường tiêu thụ**

Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Đông Âu và Nga. Đây là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt và mức lợi nhuận cao. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Agifish đang áp dụng các hệ thống quản lý: HACCP; COC; ISO 17025: 2005; Global Standard For Food Safety (BRC); HALAL; ASC; BAP... vào trong toàn bộ quá trình nuôi trồng và sản xuất chế biến để luôn đảm bảo cung cấp những sản phẩm chất lượng. Công ty luôn



cập nhật các thay đổi và những quy định mới về tiêu chuẩn chất lượng để kịp thời chuẩn bị và đáp ứng về hệ thống, cũng như có chính sách điều chỉnh phù hợp cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty.

➤ ***Rủi ro rào cản thương mại và kỹ thuật của các nước nhập khẩu***

Chương trình thanh tra cá da trơn kiểu mới của Mỹ chuyển giao chức năng thanh tra, giám sát chất lượng sang Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), thay vì Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA). Người nuôi cá tại Mỹ cần một sân chơi bình đẳng, cá nuôi ở Việt Nam cũng cần phải đáp ứng được các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn vệ sinh như ở Mỹ - đó là cái lý mà USDA đưa ra để thực hiện chương trình này. Chương trình thanh tra cá da trơn kiểu mới không khác gì lệnh cấm nhập khẩu. Một số tiểu bang Hòa Kỳ đã ban hành luật ghi nhãn nguồn gốc xuất xứ đối với cá da trơn. Các nhà xuất khẩu cá tra trơn Việt Nam sẽ phải mất nhiều năm để thích ứng các điều kiện của chương trình và tạm thời việc nhập khẩu cá tra, basa của Việt Nam vào thị trường Mỹ sẽ vấp phải một rào cản rất gai góc. Một số nước EU đang yêu cầu các trại nuôi thủy sản phải áp dụng việc xử lý nước thải nhằm bảo vệ môi trường, áp dụng quy định về truy nguyên nguồn gốc sản phẩm (traceability).

➤ ***Rủi ro nguồn nhân lực***

Các công ty chế biến thủy sản luôn cần một đội ngũ lao động khá lớn so với các công ty khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất, chế biến của mình. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn luôn diễn ra ở mức độ cao và rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn là một trong các tiêu chí mà AGIFISH phải quan tâm. Nhằm giảm thiểu sự rủi ro về nhân lực ở mức thấp nhất, Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nhân viên như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV, thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân. Đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ lao động trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

#### **4. Rủi ro do tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu**

Diễn biến thời tiết và thiên tai đang có xu hướng thay đổi bất thường ở nhiều nơi trên thế giới và Việt Nam. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được nhiều nhà khoa học và các tổ chức quốc tế cảnh báo là nơi chịu nhiều tác động tiêu cực của hiện tượng biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay vừa chịu tác động của lũ thượng nguồn vào mùa mưa, vừa chịu tác động của sự xâm nhập mặn vào mùa khô và các tác động do diễn biến thời tiết cực đoan khác như nhiệt độ gia tăng, phân bố mưa bất thường, khô hạn kéo dài, lốc xoáy. Năm 2015, dù trong mùa mưa lũ hàng năm ở Nam bộ, mực nước trên sông Hậu và sông Tiền ở mức thấp nhất trong hơn 50 năm qua ảnh hưởng đến các hoạt động đánh bắt cũng như nuôi trồng thủy sản trong khu vực. Tài nguyên nước đứng trước nguy cơ suy giảm lưu lượng và chất lượng, ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cá nuôi.

#### **5. Rủi ro cạnh tranh**

Trong khu vực, ngoài Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Bangladesh, Ấn Độ, Lào nuôi cá da trơn, hiện nay chính phủ Philippin, Indonesia và Malaysia đang có chính sách khuyến khích người



dân nuôi và phát triển với quy mô lớn việc nuôi loài cá này. Ngoài ra họ cũng đã chú ý đến việc đầu tư nuôi cá tra sạch. Công ty cổ phần Thái Lan đang có chủ trương tham gia đầu tư để quản lý một bộ phận quan trọng của ngành cá tra Việt Nam.

#### **6. Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức chào bán cạnh tranh, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

#### **7. Rủi ro khác**

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **1. Tổ chức có cổ phần được thoái vốn**

#### **Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang**

Ông Ngô Phước Hậu                      Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Ký                      Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Thông                      Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn**

#### **Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**

Ông **Phan Văn Tuấn**                      Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseco) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 13/2016/Agriseco-SCIC ngày 30/6/2016. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang cung cấp.



**III. CÁC KHÁI NIỆM**

- AGIFISH/Công ty	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang
- Agriseco	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ĐBSCL	Đồng bằng Sông Cửu Long
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- BKS	Ban kiểm soát
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- UBND	Ủy ban Nhân dân
- GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
- ISO	International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia
- WTO	World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới
- MTV	Một thành viên
- TSCĐ	Tài sản cố định
- XNK	Xuất nhập khẩu
- BCTC	Báo cáo tài chính



#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

##### **1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân của Công ty trước đây là nhà máy đông lạnh của Công ty thủy sản An Giang được khởi công xây dựng năm 1985 và đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 1987.

Tháng 11 năm 1995 Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang ( AGIFISH ) được thành lập theo quyết định số 964/QĐQU của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 20/11/1995

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002 với mã chứng khoán là AGF.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội cá tra Việt Nam ( VPA ), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang ( AFA ).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, CoC, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005, ISO 14001:2004. Các tiêu chuẩn ASC, BAP cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nhà máy chế biến của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2003 đến 2015 do người tiêu dùng bình chọn.

Agifish là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thủy sản được tặng danh hiệu “ Thương hiệu Quốc gia 2012 ” (Vietnam Value) liên tục trong các năm 2008, 2010, 2012.

Agifish có truyền thống là doanh nghiệp đi đầu trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực sản xuất cá giống, công nghệ chế biến thủy sản và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ cá basa, cá tra.






Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty.



**1.2. Giới thiệu về Công ty**

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang
- Tên tiếng Anh : Angiang Fisheries Import & Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt : AGIFISH Co.
- Địa chỉ trụ sở : 1234 Trần Hưng Đạo, P.Bình Đức, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : (84.763) 852 939 – 852 368
- Fax : (84.763) 852 202
- Website : [www.agifish.com.vn](http://www.agifish.com.vn)
- Logo Công ty :



- Vốn điều lệ : 281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi một tỷ không trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).
- Giấy CNĐKKD số : Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/08/2001, thay đổi lần thứ 20 ngày 09/07/2015.
- Ngành nghề kinh doanh:
  -  Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản 1020  
Chi tiết: Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm  
Chi tiết: Sản xuất, chế biến và mua bán dầu biodiesel từ mỡ cá
  -  Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu 4669  
Chi tiết: Mua bán thuốc thú y, thủy sản  
Chi tiết: Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản
  -  Nuôi trồng thủy sản nội địa 0322  
Chi tiết: Nuôi thủy sản
  -  Kho bãi và lưu giữ hàng hóa 5210  
Chi tiết: Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hóa thủy sản
  -  Bán buôn thực phẩm 4632



### 1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

**Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 25/12/2015<sup>(\*)</sup>**

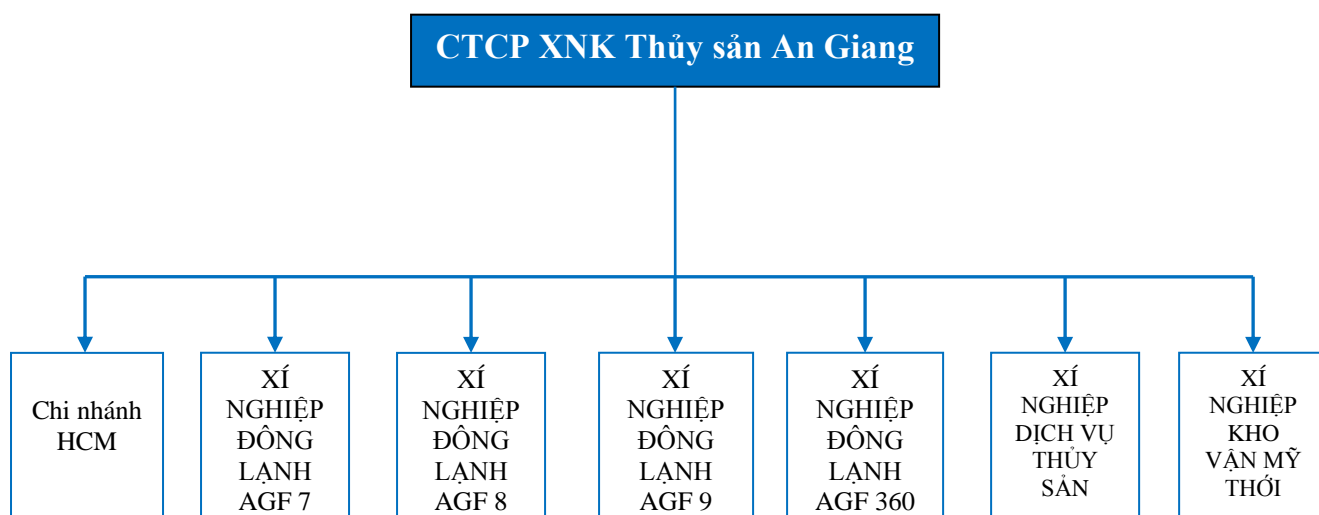
Stt	Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông nhà nước	2.316.892	8,24
2	Cổ đông đặc biệt	526.392	1,88
	- HĐQT	265.946	0,95
	- BGD	260.446	0,93
	- BKS	0	0,00
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
4	Cổ đông là cán bộ nhân viên	401.056	1,43
5	Cổ đông ngoài Công ty	24.865.403	88,45
a	Cổ đông trong nước	24.643.157	87,66
	- Tổ chức	22.399.613	79,68
	- Cá nhân	2.243.544	7,98
b	Cổ đông nước ngoài	222.246	0,79
	- Tổ chức	58.874	0,21
	- Cá nhân	163.372	0,58

Nguồn: Agifish

(\*)Ghi chú: Ngày 25/12/2015 là ngày đăng ký cuối cùng của cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 – 2016.

### 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

**Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty**










Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2015 Agifish



Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2015 - 2016 tổ chức vào ngày 26/01/2016, các cổ đông chưa thông qua dự thảo Điều lệ hoạt động và tổ chức Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang theo quy định mới của pháp luật nên hiện tại Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

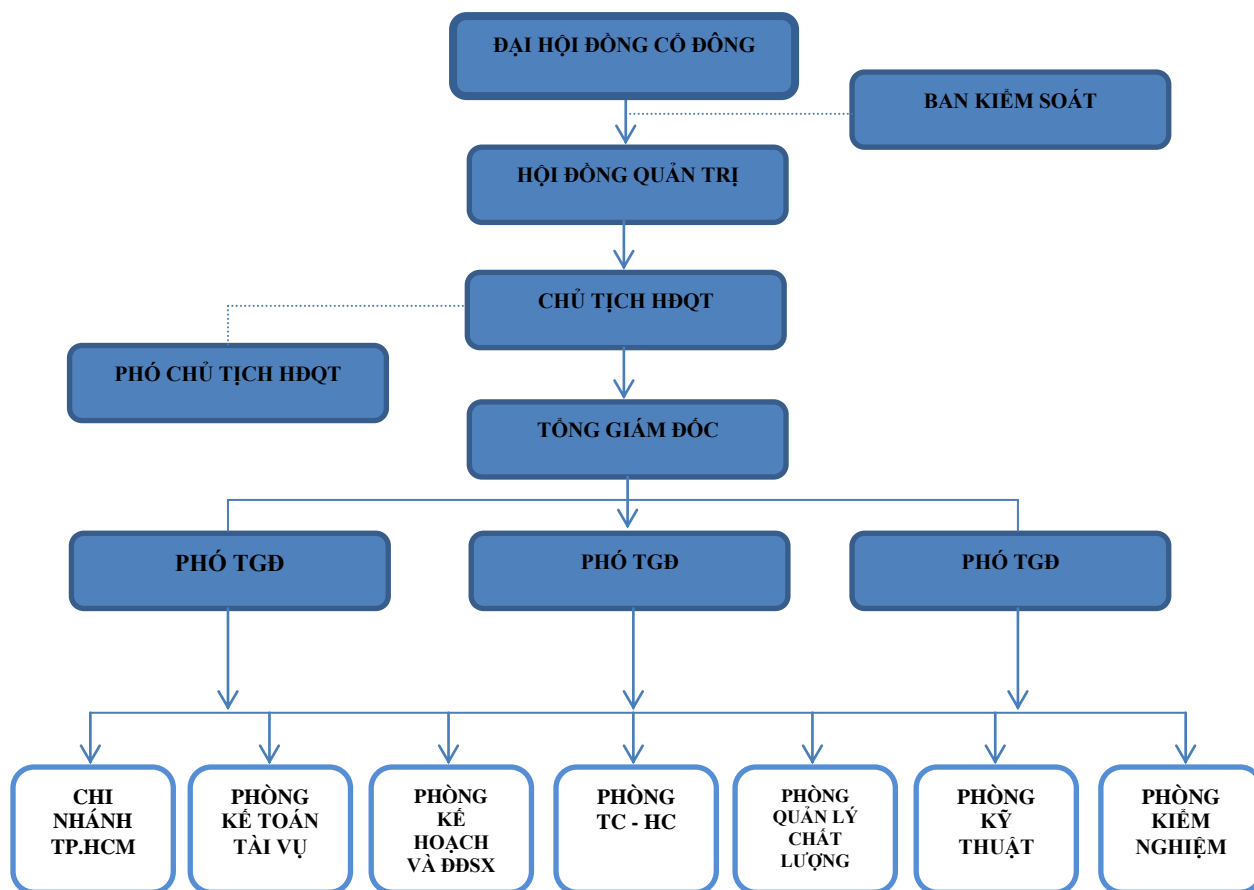
Cơ cấu tổ chức của hiện tại của Công ty gồm:

- **Văn phòng Công ty:** Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban nghiệp vụ:
  - Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
  - Điện thoại: (84.763) 852 368 – 852 939; Fax: (84.763) 852 202
- **Các đơn vị trực thuộc:**
  -  Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tại Tp.HCM
    - Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà Resco, số 94 -96 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
    - Điện thoại: (84.8) 38251100/38299767; Fax: (84.8) 38225022
  -  Xí nghiệp đông lạnh AGF 7
    - Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P.Bình Đức, Tp Long Xuyên, An Giang
    - Điện thoại: (84.76) 3854241 Fax: (84.76)3852202
  -  Xí nghiệp đông lạnh AGF 8
    - Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, H.Châu Thành, An Giang
    - Điện thoại: (84.76) 3836221 Fax: (84.76)3836254
  -  Xí nghiệp đông lạnh AGF 9
    - Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.
    - Điện thoại: (84.76) 3958999 Fax: (84.76) 3958888
  -  Xí nghiệp chế biến thực phẩm AGF 360
    - Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P.Bình Đức, Tp Long Xuyên, An Giang
    - Điện thoại: (84.76) 3857590
  -  Xí nghiệp dịch vụ thủy sản
    - Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, An Giang
    - Điện thoại: (84.76) 3954 088
  -  Xí nghiệp Kho vận Mỹ Thới
    - Địa chỉ: Số 206, Quốc lộ 91, P. Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, An Giang
    - Điện thoại: (84.76) 3930378



### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

*Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty*



*Nguồn: Agifish*

**Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, quyết định mọi vấn đề được luật pháp và điều lệ của Công ty quy định.

- Thông qua Điều lệ; thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bầu, bãi nhiệm HĐQT và BKS;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

**Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;



- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

**Ban kiểm soát:** là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Ban điều hành:** Ban điều hành của Công ty gồm Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Tổng Giám đốc:** là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty;
- Giám đốc là người tham mưu cho HĐQT hoạch định các mục tiêu, chính sách;
- Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các bộ phận nghiệp vụ, chi nhánh.

**Các phòng ban chức năng:** có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp hoạt động và điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

➤ **Phòng kế toán tài vụ**

Có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán, quản lý tài chính của Công ty, lập sổ sách, hạch toán, báo cáo số liệu kế toán, trực tiếp công tác kế toán cho tất cả các đơn vị trực thuộc.

➤ **Phòng kế hoạch và điều độ sản xuất**

Phòng lập kế hoạch sản xuất cho các xí nghiệp, hoàn thành các thủ tục xuất khẩu, lập kế hoạch kinh doanh cho Công ty.

➤ **Phòng tổ chức hành chính**

Có nhiệm vụ quản lý điều hành công tác hành chính tổ chức của Công ty, theo dõi, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động.



➤ **Phòng quản lý chất lượng**

Có nhiệm vụ quản lý chất lượng sản phẩm và môi trường, xây dựng công nghệ chế biến các sản phẩm mới, nghiên cứu cải tạo, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, lập kế hoạch quản lý chất lượng cho Công ty.

➤ **Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, ủy thác, gia công hàng xuất khẩu, giao dịch, thanh toán tín dụng, dịch vụ giao nhận ngoại thương, đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán, xuất nhập khẩu, tiếp thị và chăm sóc khách hàng là các nhiệm vụ của Chi nhánh.

➤ **Xí nghiệp đông lạnh AGF 7**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ kinh doanh chế biến hàng thủy hải sản đông lạnh.

➤ **Xí nghiệp đông lạnh AGF 8**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ trong sản xuất và kinh doanh chế biến hàng thủy, hải sản đông lạnh.

➤ **Xí nghiệp đông lạnh AGF 360**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ trong sản xuất và kinh doanh chế biến hàng thủy, hải sản đông lạnh.

➤ **Xí nghiệp dịch vụ thủy sản**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ trong nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, tư vấn kỹ thuật nuôi cho ngư dân.

➤ **Xí nghiệp Kho Vận Mỹ Thới**

Xí nghiệp là kho chứa hàng đông lạnh, trữ hàng cho Công ty và làm dịch vụ cho thuê kho lạnh.

➤ **Phòng kiểm nghiệm**

Phòng kiểm nghiệm có chức năng kiểm nghiệm phục vụ cho nuôi trồng và sản xuất của Công ty và kiểm nghiệm dịch vụ cho bên ngoài.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 26/8/2015:

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 25/12/2016**

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	2.316.892	8,24



Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Người đại diện: Ngô Phước Hậu		
2	Công ty Cổ phần Hùng Vương Người đại diện: Dương Ngọc Minh	22.370.625	79,58
	<b>Tổng cộng</b>	<b>24.687.517</b>	<b>87,82</b>

Nguồn: Agifish

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức phát hành**

**5.1. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành**



**Công ty mẹ**

**Bảng 3: Công ty mẹ của Agifish**

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Lô 44, Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	22.370.625	79,58

Nguồn: Agifish



**Công ty con: Không có**

**5.2. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối: Không có**

**5.3. Danh sách những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có**

**6. Hoạt động kinh doanh**

**6.1. Sản phẩm/dịch vụ chủ yếu**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là chế biến xuất khẩu thủy sản với mặt hàng chủ lực là cá Tra và cá Basa. Hiện nay AGIFISH có các nhóm sản phẩm chính như sau: sản phẩm cá Tra, cá Basa đông lạnh; sản phẩm giá trị gia tăng; sản phẩm thuốc thú y thủy sản; và sản phẩm từ phụ phẩm.

**Cá Tra cá, Basa đông lạnh**

- Cá Basa và cá Tra đông lạnh là sản phẩm chính có doanh thu chiếm khoảng 73% trong tổng doanh thu của Công ty năm 2005. Phần thịt để làm ra thành phẩm cá Tra và cá Basa fillet đông lạnh chiếm 30 – 40% trọng lượng cá nguyên liệu.



- Sản phẩm của Công ty được chia thành nhiều loại dựa trên kích cỡ và cách đóng gói:
  - Kích cỡ: cá Basa và cá Tra thường phân ra các cỡ loại: 60 – 120, 120 – 170, 170 – 220, 220 – 300, 300 – UP, >170 (gr/miếng cá).
  - Đóng gói: sản phẩm cá Basa và cá Tra được đóng gói dưới hai hình thức chính là đông rời (IQF) và đông khối (BLOCK)
    - Đông rời: cho 1 kg thành phẩm vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp 10 túi cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.
    - Đông khối: cho mỗi khối 5 kg vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp hai khối cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.
    - Ngoài ra tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm còn được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau, ví dụ: 5kg/PE – 10kg/thùng, v.v...
    - Bao bì sử dụng loại giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về quy định nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu.
- Chất lượng sản phẩm:
  - Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm luôn được đưa lên hàng đầu nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và đã được các khách hàng công nhận. Sản phẩm thực hiện theo tiêu chuẩn của khách hàng nhưng không thấp hơn TCVN.
  - Hiện nay sản phẩm cá đông lạnh của Công ty được quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP và ISO 9001:2000. Sản phẩm của AGIFISH đã được cấp mã (code) vào thị trường Châu Âu (EU) là DL07, DL08 và DL360.



**CÁ TRA NGUYÊN  
CON**



**CÁ TRA CẮT KHÚC**



**CÁ TRA FILLET**



**CÁ TRA CẮT  
KHOANH**



**BASA FILLET**



**BASA CẮT KHÚC**



**BASA FILLET**



**BASA CUỘN  
HOA HỒNG**



**Các sản phẩm giá trị gia tăng****HÁ CẢO BASA****CHẢ CÁ BASA****BASA XIÊN QUE****BASA TẦM BỘT****HABURGO BASA****CHẢ GIÒ BASA****ĐẬU HŨ BASA****BASA TẦM MUỐI ỚT****Các sản phẩm thuốc thú y thủy sản****PREMIX-AGF102****EBS-AGF109****PREMIX-AGF111****VITAMIN C-****PREMIX-AGF104****C-ANTITRESS-  
AGF106****VITA-  
ELECTROLYTE-****VITAMIN C-  
AGF112****KARNO-KOLAC-  
AGF115****KARNO-RENOL-  
AGF114****VITA-ENZYM-  
AGF101-AGF113****ANTIRED FISH-  
AGF110****Sản phẩm từ phụ phẩm**

- Các phần còn lại của con cá Tra, cá Basa sau khi đã lấy đi phần thịt nạc cho xuất khẩu gồm có đầu xương, da, thịt vụn và mỡ. Tỷ lệ khối lượng phụ phẩm chiếm 60 – 70% khối lượng cá nguyên liệu. Phụ phẩm này chủ yếu được chế biến thành mỡ thực phẩm và bột



cá.

- Chất lượng bột cá và mỡ thực phẩm đã đạt được những tiêu chuẩn cần thiết do Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh kiểm nghiệm.

Ngoài ra Công ty còn thực hiện các hoạt động kinh doanh khác như: hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác các mặt hàng nông thủy sản (tôm, mực, nông sản thực phẩm) hóa chất, dụng cụ sản xuất. Sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Kinh doanh thức ăn thủy sản.

## **6.2. Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất**

### **6.2.1 Nguyên vật liệu**

Cá Basa và đặc biệt là cá Tra là nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến thủy sản đông lạnh của Công ty. Nghề nuôi cá, từ chỗ hoàn toàn lệ thuộc vào nguồn cá giống khai thác tự nhiên đã chuyển sang hoàn toàn chủ động về giống và mở rộng từ nuôi bè sang nuôi ao và nuôi trong quảng đăng, hồ ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết của vùng đầu nguồn sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm. Hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp nằm ở đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu với những ưu đãi của thiên nhiên, môi trường sinh thái phù hợp đã trở thành trung tâm của hoạt động nuôi cá.

Ngoài nguyên liệu để chế biến thành phẩm là cá Tra và cá Basa, những nguyên vật liệu khác cần thiết cho quá trình sản xuất là bao bì (PE) và các loại thùng, hộp carton dùng để đóng gói. Hiện tại, Công ty có một phân xưởng sản xuất bao bì bằng PE và thực hiện in ấn nhãn mác hàng hóa. Các loại thùng, hộp carton được Công ty mua từ các nhà cung cấp bên ngoài.

Căn cứ vào kế hoạch và tình hình sản xuất trong tháng Phòng Kế hoạch và Điều độ sản xuất sẽ lên kế hoạch nhập nguyên vật liệu cụ thể. Ngoài ra còn có các loại nguyên vật liệu đi với từng hợp đồng cụ thể sẽ đáp ứng theo từng lúc yêu cầu. Thời gian lưu kho nguyên vật liệu đảm bảo đủ sản xuất trong tháng không để tồn đọng. Các nguyên vật liệu tồn đọng rất ít xảy ra, nếu có là do đặt trước theo hợp đồng xuất khẩu nhưng sau đó không thực hiện.

Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty:

- Bao bì Bảo vệ thực vật An Giang;
- Công ty Sản xuất kinh doanh giấy in và bao bì LIKSIN, Tp. HCM;
- Công ty bao bì nhựa Tân Tiến, Tp. HCM;
- Công ty TNHH Ngọc Xuân Dinh, Tp. HCM.
- Chi nhánh Cần Thơ – Cty Công Nghiệp Tân Á
- Công ty TNHH MTV XNK Thiết Đính
- Công ty TNHH MTV SX TM Hoàng Thuận Lợi.



### **6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung cấp**

Nhìn chung, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty khá ổn định do:

- Nguồn nguyên liệu cung cấp từ vùng nuôi của Công ty được duy trì ổn định qua từng năm. Đây là vùng có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản và vị trí giao thông thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy chế biến của Công ty.
- Công ty và các nhà cung cấp nguyên vật liệu đã có mối quan hệ gắn bó lâu dài và uy tín.
- Công ty luôn có những biện pháp thích hợp trong việc thay đổi các sản phẩm tùy thuộc vào mùa vụ khai thác và tình hình thời tiết tự nhiên.
- Công ty có những chính sách thích hợp trong việc thu mua nguyên liệu như thành lập đội thu mua chủ lực, bám sát địa bàn từng ngày, vận dụng sách lược thời vụ để tạo nguồn hành dự trữ sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thị trường...

### **6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu tới doanh thu, lợi nhuận:**

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 70% giá thành sản phẩm của Công ty, vật tư bao bì chiếm khoảng 4 – 5% giá thành. Như vậy, giá cả nguyên vật liệu đầu vào được xem là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian vừa qua giá các mặt hàng thiết yếu như điện liên tục tăng cao đã ảnh hưởng đến việc tăng giá các loại nguyên liệu thủy sản của Công ty. Trong bối cảnh giá cả các mặt hàng nguyên liệu thường xuyên biến động, Công ty luôn có những chính sách, biện pháp và sự chuẩn bị kịp thời để điều hòa giá cả nguyên liệu không bị biến động nhiều như: quản lý thật chặt mức tiêu hao nguyên liệu, chọn lựa nguyên liệu đạt chuẩn về quy cách, thành lập đội thu mua chủ lực bám sát địa bàn và giá cả từng ngày, vận dụng sách lược giá, thời vụ để tạo nguồn hàng sẵn sàng đáp ứng cho thị trường. Hoặc khi cần thiết, Công ty có thể giảm sản lượng sản xuất và đàm phán với khách hàng về việc điều chỉnh thời gian giao hàng hoặc thương lượng khách hàng mua để hỗ trợ giá thành sản phẩm...

### **6.3. Trình độ công nghệ, quy trình sản xuất**

Công ty là doanh nghiệp đầu tiên của ngành thủy sản áp dụng mô hình sản xuất kinh doanh khép kín từ khâu sản xuất cá giống, phát triển sinh sản nhân tạo, chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu và chế biến tận dụng các phụ phẩm của cá Tra và cá Basa. Quy trình sản xuất của Công ty hiện nay được tổ chức qua các đơn vị kinh doanh khép kín như sau:

#### **Nguồn nguyên liệu đầu vào**

Được cung cấp trực tiếp từ các vùng nuôi của Công ty.

#### **Chế biến**

Từ nguyên liệu đầu vào sẽ được chế biến tại các các Xí nghiệp chế biến của Công ty. Hiện Công



ty có các xí nghiệp chế biến sau: Xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh 7, Xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh 8 và Xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh 9 và Xí nghiệp chế biến Thực phẩm 360.

Quy trình sản xuất chế biến thủy sản đông lạnh của các Xí nghiệp được thực hiện theo chương trình quản lý chất lượng “*Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP*”, *ISO 9001:2000*, *BRC*, *SQF 2000*.

Đặc điểm của dây chuyền là các công đoạn chế biến cá đông lạnh sử dụng nhiều lao động thủ công, và có khả năng chuyển đổi từ sản phẩm cá đông lạnh sang các sản phẩm thủy sản đông lạnh khác như tôm, mực. Ngoài ra, các xí nghiệp đông lạnh đều có trang bị hệ thống xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường cần thiết nhằm hạn chế tác động vào môi trường sinh thái và sinh hoạt của cộng đồng dân cư trong khu vực.

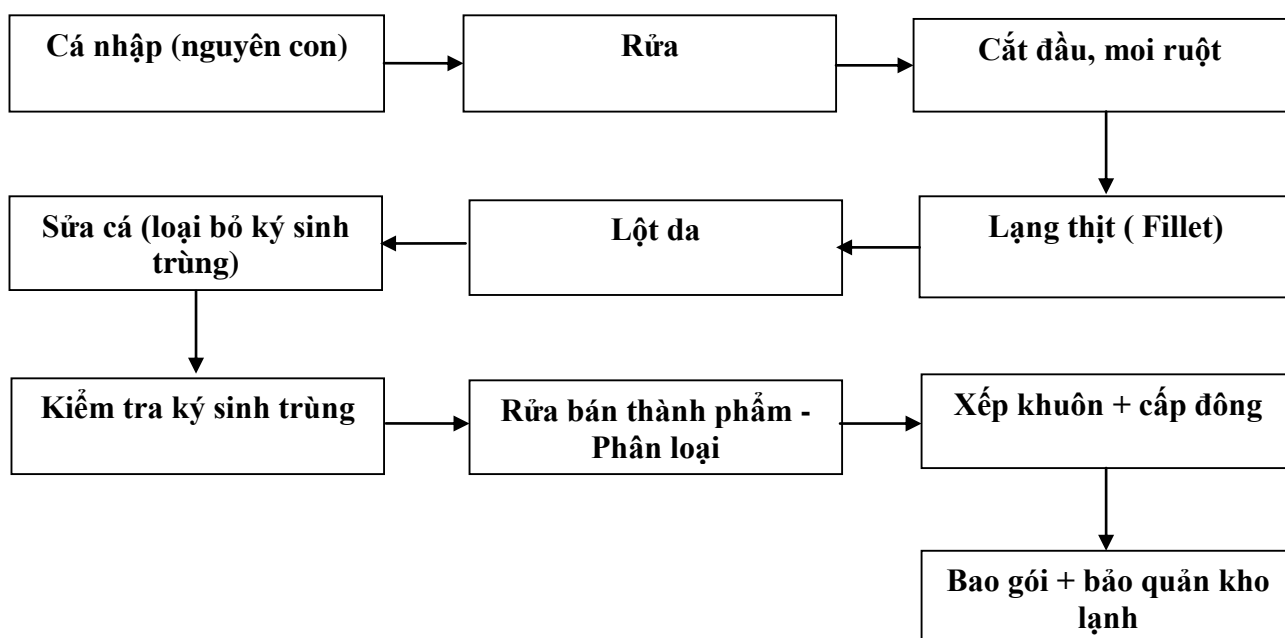
Phần lớn thiết bị đông lạnh của các Xí nghiệp đông lạnh được trang bị có công nghệ tiên tiến đáp ứng những yêu cầu của các thị trường lớn như Mỹ và Tây Âu. Công ty sử dụng công nghệ tạo nước đá vảy nên vấn đề vệ sinh trong chế biến được đảm bảo. Ngoài ra chất lượng cá đông lạnh được bảo quản tốt hơn, không bị mất đi chất dinh dưỡng trong thịt cá.

### **Phụ phẩm**

Phụ phẩm Công ty bán thẳng cho khách hàng (khách hàng mua phụ phẩm về để chế biến ra mỡ cá và bột cá). Công ty không dùng phụ phẩm làm nguyên liệu chế biến cho Xí nghiệp đông lạnh AGF360.

Xí nghiệp đông lạnh AGF360 chỉ dùng nguyên liệu cá chính phẩm để chế biến ra các sản phẩm giá trị gia tăng (như chả cá, chao cá, cá muối sả ớt, tẩm sa tế... để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu).

### **Sơ đồ 3: Sơ đồ chế biến Cá Tra, cá Basa**





#### **6.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Với một chiến lược kinh doanh năng động, Công ty không những phát triển các mặt hàng kinh doanh hiện tại mà còn chú trọng đến việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Agifish được hình thành dựa trên nhu cầu thực tế của khách hàng trong và ngoài nước, khả năng cung ứng và dự trữ của các nguồn nguyên liệu, nghiên cứu những tồn tại trong khâu chế biến, chất lượng hàng hoá nhằm cải tiến các khâu chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm cho phù hợp với thị trường ngày càng bị cạnh tranh của các công ty cùng ngành trong và ngoài nước.

Thông qua các hội nghị, hội chợ thương mại, gặp gỡ khách hàng... Công ty tiến hành khảo sát, nghiên cứu nhu cầu của khách hàng, mong muốn của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ để Công ty có thể cung cấp những sản phẩm và dịch vụ ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó, Agifish còn gặp gỡ các khách hàng ở thị trường mục tiêu để tham khảo xu hướng, giá cả... của thị trường.

Trong những năm qua Công ty đã cho ra đời nhiều mặt hàng giá trị gia tăng phù hợp với yêu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng, áp dụng các công nghệ mới để làm ra những sản phẩm có giá trị cao hơn, đa dạng hơn. Ngoài ra, hiện nay Công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu để phát triển thêm các sản phẩm mới dự kiến sẽ tung ra thị trường trong thời gian sắp tới.

#### **6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Trong lĩnh vực chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu việc kiểm tra chất lượng sản phẩm là vấn đề rất quan trọng. Ở Mỹ, HACCP là qui định bắt buộc áp dụng đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản bắt đầu có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 1997. Nhận thức được điều đó, từ năm 1997 Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn HACCP (*Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn*). Năm 2002, tổ chức SGS cấp chứng nhận ISO 9001:2000 và gần đây công ty được cấp chứng nhận BRC và SQF 2000 trong năm 2005. Đây là những công cụ hữu ích và quan trọng để đánh giá mối nguy và thiết lập các hệ thống kiểm soát tập trung vào việc phòng ngừa thay cho việc chỉ kiểm tra thành phẩm. Nhờ vậy các sản phẩm thủy sản đông lạnh của Công ty đã đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng Mỹ và Châu Âu. Đến nay sản phẩm của Công ty đã được cấp 3 mã số (code) vào Châu Âu thuộc nhóm 1.

Về nhân sự, Agifish đã có hơn 100 cán bộ nhân viên có chứng chỉ quản lý chất lượng do các tổ chức trong và ngoài nước cấp. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật (KCS) đi dự các lớp đào tạo về chương trình quản lý chất lượng do SEAQIP (*Dự án hỗ trợ nâng cao chất lượng thủy sản xuất khẩu*) và NAFIQAVED (*Cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản*) tổ chức; bên cạnh đó cũng đã mời các chuyên gia tư vấn của FDA (*Cơ quan dược phẩm và thực phẩm Mỹ*) đến làm việc tại Công ty để góp ý về chương trình HACCP của Công ty.

Để đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh trong sản xuất, Công ty trang bị phòng kiểm nghiệm. Kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh theo tiêu chuẩn của EU: TPC, Colifomrs, Stap, Enterro Ecoli,



Sal, Listeria, Vibrio và các hóa chất kháng sinh cấm như: Chloramphenicol, Nitrofurazone, Nhóm Fluoroquinolones, Malachite Green và Leuco Malachite Green, nhằm kịp thời chấn chỉnh hoặc khuyến cáo nếu bị nhiễm vi sinh.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại cho các xí nghiệp chế biến. Đồng thời kết hợp với các ngành chức năng của địa phương giúp ngư dân thực hiện tốt các quy định về việc bảo vệ môi trường, hạn chế gây ô nhiễm môi trường nuôi, tạo sản phẩm cá nuôi có chất lượng ngày càng tốt hơn đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

Quản lý chất lượng là quá trình được áp dụng với tất cả các khâu trong quy trình sản xuất của Công ty. Đây là 1 quy trình khép kín từ khâu kiểm tra chất lượng cá nguyên liệu trước khi được chở tới xí nghiệp, đến các công đoạn chế biến sản phẩm đông lạnh, đóng gói và bảo quản thành phẩm cho xuất khẩu.

- ❖ Đối với nguyên liệu đầu vào, bộ phận thu mua đánh giá dựa trên những tiêu chuẩn sau:
  - Mỗi lô nguyên liệu trước khi thu hoạch được phòng kiểm nghiệm của công ty lấy mẫu kiểm tra đạt yêu cầu về dư lượng hóa chất kháng sinh cấm theo qui định hiện hành của Bộ Thủy Sản.
  - Mỗi lô nguyên liệu phải kèm theo tờ cam kết và tờ khai xuất xứ nguyên liệu;
  - Cá nguyên liệu phải còn sống khi đến nhà máy, không có dấu hiệu bị bệnh;
  - Không được sử dụng thuốc kháng sinh trong vòng 28 ngày trước khi thu hoạch để đảm bảo an toàn thực phẩm;
  - Đảm bảo đúng kích cỡ theo hợp đồng;
- ❖ Đối với thành phẩm, bộ phận KCS sẽ kiểm tra chất lượng theo những tiêu chuẩn sau:
  - Đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn cho người tiêu dùng;
  - Đảm bảo đúng kích cỡ trọng lượng tịnh;
  - Có giá trị cảm quan: màu trắng đẹp, mùi tự nhiên, vị ngọt, cơ cấu thịt săn chắc không lẫn tạp chất;
  - Nhiệt độ trung tâm sản phẩm  $\leq 180^{\circ}\text{C}$ ;
  - Theo đúng cơ cấu hợp đồng đã được xác nhận giữa khách hàng, thị hiếu, thị trường và Công ty.

## **6.6. Hoạt động Marketing**

Công ty có một hệ thống khách hàng truyền thống ổn định tại các thị trường Đức, Thụy Sĩ, Anh, Bỉ, Pháp, Hong Kong, Singapore, Đài Loan, Úc, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Nga, Nhật, v.v... Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Agifish luôn luôn chú trọng thực hiện các hoạt động Marketing để thực hiện đa phương hóa và cơ cấu thị trường phù hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro khi có biến động về kinh tế thế giới.



Ngoài việc củng cố các thị trường truyền thống, Công ty đã và đang tiến hành mở rộng sang các thị trường mới được thực hiện thông qua các hình thức, chiến lược như sau:

### **Công tác tìm kiếm khách hàng mới**

Phương thức Marketing mà Công ty đang áp dụng là kết hợp với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) tham dự các hội chợ thủy sản quốc tế hàng năm (Vietfish – Việt Nam, Boston, San Francisco – Mỹ, Brussel – Bỉ, Bremen – Đức, v.v...) để giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm các cơ hội mua bán. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng Internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng. Đối với những thị trường mới, Công ty thường sử dụng những kênh phân phối có sẵn.

### **Sản phẩm**

Công ty xác định sản phẩm luôn là yếu tố đầu tiên quan trọng nhất. Chiến lược sản phẩm đòi hỏi phải đưa ra những quyết định hài hòa về danh mục, chủng loại sản phẩm, nhãn hiệu bao bì... Nhận biết được tầm quan trọng của sản phẩm gắn liền với nhu cầu thị trường, Công ty đã đưa vấn đề sản phẩm lên hàng đầu. Hiện nay, trong chính sách sản phẩm của Công ty chủ yếu đề cập tới các vấn đề cơ bản là: chủng loại sản phẩm, chất lượng sản phẩm, cũng như bao bì nhãn mác sản phẩm.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng nhằm mở rộng và chiếm lĩnh thị trường quốc tế, bên cạnh các sản phẩm truyền thống Công ty luôn tìm cách, cố gắng nghiên cứu, cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển các sản phẩm đang được thị trường thế giới ưa chuộng để đưa ra thị trường quốc tế những loại sản phẩm mới với chất lượng tốt, mẫu mã bao bì theo yêu cầu của khách hàng, tạo uy tín ngày càng cao cho Công ty trên thị trường quốc tế. Các sản phẩm của Công ty đều được các đối tác đặt hàng chấp nhận, với những đánh giá cao về việc thực hiện các yêu cầu của hợp đồng như: thời gian giao hàng, các thông số về chất lượng, dịch vụ hậu mãi... Sự đáp ứng này của Công ty luôn được khách hàng đánh giá cao về uy tín, chất lượng sản phẩm trên thị trường.

### **Về giá cả**

Giá thành sản phẩm không chỉ là chỉ tiêu phản ánh chất lượng, đo lường hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh, mà nó còn phản ánh uy tín, sức mạnh cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Công ty đã sử dụng một hệ thống chính sách giá khá linh hoạt nhằm tăng khối lượng hàng tiêu thụ và đạt được mục tiêu lợi nhuận. Công ty có các chính sách giá phù hợp cho từng mặt hàng, từng phân khúc thị trường. Do việc quản lý giá thành khá tốt nên giá sản phẩm khá cạnh tranh so với các đối thủ cạnh tranh khác tại Việt Nam cũng như thế giới.

### **6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Nhãn hiệu thương mại của Công ty:





Ý nghĩa của logo: logo có hình chóp, phía trên là hình tam giác cân lớn sọc ngang màu xanh, chữ AGIFISH màu đỏ là tên tự đặt nằm trên hình tam giác cân đó, góc bên trái tam giác cân lớn có hình tam giác cân nhỏ màu đỏ. Phía dưới là những đường uốn lượn màu xanh biểu tượng cho sông nước và con cá đang bơi giữa bốn làn sóng nước.

#### **6.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

Hình thức mua bán của AGIFISH là bán trực tiếp với khách hàng, thông qua các hợp đồng xuất khẩu (đối với khách hàng ngoài nước) và hợp đồng mua bán (khách hàng trong nước). Có trường hợp Công ty ủy thác cho các đơn vị khác trong nước để xuất khẩu thông qua các hợp đồng ủy thác.

Các hợp đồng xuất khẩu của Công ty chủ yếu là hợp đồng ngắn hạn (3 tháng) và giao dịch theo thông lệ quốc tế với L/C đảm bảo. Khách hàng chủ yếu là các nhà phân phối thực phẩm ở các nước sở tại. Công ty đang cố gắng ổn định nguồn nguyên liệu cá bè (sản lượng theo kích cỡ cá) để có thể chủ động trong sản xuất kinh doanh và ký kết các hợp đồng dài hạn.

Hiện nay hợp đồng với các khách hàng truyền thống của Công ty trung bình chiếm 80% sản lượng, phần còn lại là các khách hàng mua lẻ.

Ở các thị trường chính Công ty đều có khách hàng truyền thống: thị trường Trung Quốc, Châu Âu, Hồng Kông, Singapore...

### **7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất**

#### **7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm**

**Bảng 4: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh**

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	So sánh 2014/2013	30/09/2015	30/6/2016
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	3.056	2.780	-9.03%	1.733	2.662
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	37	90	+143,24%	0,16	1
3	Sản lượng xuất khẩu (tấn)	35.182	30.329	-13.79%	16.772	
4	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	110.44	83.32	-24.56%	44,7	
6	Tổng số lao động (người)	3.124	3.190	+2.11%	2.950	
7	Thu nhập bình quân (đồng/người)	4.500.000	4.600.000	+2.22%	4.700.000	
8	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	21.33	72.12	+238.1%	(0,45)	1
9	Tỷ lệ trả cổ tức	10%	10%	-	25%	-

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014, BCTC kiểm toán 30/9/2015, BCTC 30/6/2016 của Agifish*



## **7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**



### **Thuận lợi**

- Mô hình sản xuất kinh doanh khép kín từ khâu sản xuất cá giống đến khâu thành phẩm.
- Hệ thống công nghệ hiện đại, tiên tiến, biết vận dụng công nghệ để tái tạo năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Vùng nuôi cá rộng lớn trên địa bàn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp.
- Thị trường xuất khẩu đa dạng, trải khắp các châu lục: Châu Âu, Châu Á, Châu ÚC, Trung Đông, Nam Mỹ, Đông Âu, Nga.
- Thị trường nội địa rộng lớn, trên phạm vi cả nước qua mạng lưới đại lý và các hệ thống phân phối của Saigon Coopmart, Big C, Metro Cash & Carry...
- Có sự dẫn dắt và giúp đỡ từ công ty đầu ngành là tập đoàn Hùng Vương giúp cải thiện hiệu quả kinh doanh.



### **Điểm yếu:**

- Phụ thuộc nhiều vào thị trường xuất khẩu nên khi Mỹ áp dụng rào cản thuế chống bán phá giá và khủng hoảng kinh tế khiến biến động tỉ giá tiền tệ dẫn tới doanh thu xuất khẩu giảm mạnh.
- Mặt bằng cơ sở chế biến một số nơi còn bị hạn chế, thiết bị bố trí chưa phù hợp ảnh hưởng đến giá thành sản xuất.
- Nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc nhiều vào diễn biến thời tiết nên khi thời tiết khắc nghiệt sẽ dễ dẫn tới hao hụt nguồn nguyên liệu này, giá thành phải tăng cao và hiệu quả thấp.
- Vốn hoạt động hầu như chỉ dựa vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng với lãi suất cao, chi phí đầu vào tăng làm giá thành chế biến cao ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.



### **Cơ hội:**

- Việc duy trì và phát triển các thị trường trong nước và xuất khẩu còn rất nhiều tiềm năng do xu hướng tiêu thụ sản phẩm thủy sản ngày càng tăng cao vì chứa ít cholesterol.
- Thủy sản vẫn là một trong những ngành xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam nên việc ưu tiên cho ngành này phát triển là cơ hội lớn của Công ty.



### **Thách thức:**

- Đầu tư vào các vùng nuôi đạt tiêu chuẩn quốc tế để có nguồn nguyên liệu chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh, bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách



nhiệm với cộng đồng.

- Cải tiến công nghệ, tăng năng lực sáng tạo để giảm chi phí sản xuất.
- Cạnh tranh thị phần với nhiều đối thủ khác trên thị trường.

## **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Công ty là đơn vị đầu tiên trong vùng ĐBSCL sản xuất và chế biến xuất khẩu cá Basa, cá Tra filet... cá Ba sa nổi tiếng trên thị trường thế giới với chất lượng thịt cá trắng, vị thơm ngon.

Công ty là doanh nghiệp đầu tiên tham gia hợp tác nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo cá Basa và cá Tra thành công tạo ra bước ngoặt phát triển nghề nuôi và chế biến cá Tra và cá Basa trong khu vực đồng bằng sông Cửu long.

Vùng nuôi cá nguyên liệu của Công ty cung ứng khoảng 60.000 tấn cá và chiếm hơn 80% nhu cầu của các xí nghiệp đông lạnh.

Hơn 70% sản phẩm mang thương hiệu Agifish được tiêu thụ mạnh tại hệ thống các siêu thị lớn như SaiGon Coop Mart, Metro, Big C, Lotte, Vinatex... còn lại phân phối qua các đại lý trên toàn cả nước.

Công ty là doanh nghiệp duy nhất được cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản đặc cách giảm tần suất kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm các lô hàng xuất khẩu..

Công ty Agifish là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, ISO 9001:2008, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005, ISO 14001:2004. Tiêu chuẩn ASC cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu của Công ty.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Agifish là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu thủy sản. Các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Châu Á, Úc, Đông Âu và Nga, Trung Đông, Nam Mỹ.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2003 đến 2014 do người tiêu dùng bình chọn.

Agifish là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thủy sản được tặng danh hiệu “ Thương hiệu Quốc gia 2012 ” (Vietnam Value) liên tục trong các năm 2008, 2010, 2012.



## **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Năm 2015 là năm khó khăn đối với xuất khẩu nói chung và ngành thủy sản nói riêng. Các yếu tố cung cầu không còn thuận lợi, xuất khẩu thủy sản năm 2015 đạt 6,57 tỷ USD, giảm 16,12% so với năm 2014. Nguyên nhân là do thị trường tiêu thụ kém, giá xuất khẩu hạ và biến động giảm giá của các đồng ngoại tệ so với USD đã tác động mạnh đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Các yếu tố bất lợi của năm 2015 có thể sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản, ít nhất là trong nửa đầu năm 2016. Tuy nhiên, từ năm 2016, xuất khẩu thủy sản sẽ được mở rộng cửa hơn nhờ việc Việt Nam tham gia một số hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Việc tham gia cộng đồng ASEAN cũng như một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới sẽ tác động tích cực đến ngành hàng thủy sản trong việc gia tăng đầu tư, mở rộng thị phần, thúc đẩy sản xuất trong nước, tăng hàm lượng chế biến và có nhiều cơ hội phát triển hơn.

Ngoài ra, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc được ký kết sẽ giúp nâng khả năng cạnh tranh của Việt Nam với Trung Quốc, Thái Lan và Ecuador (đang phải chịu thuế 20%). Mặt hàng cá tra hầu như về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan (gồm Nga, Belarus và Kazakhstan) (VCUFTA) đi vào thực thi, thủy sản sẽ là nhóm hàng được hưởng ưu đãi thuế ngay lập tức. Hầu hết các sản phẩm thủy sản đều được bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Nga hiện là đối tác truyền thống đối với sản phẩm cá tra Việt Nam. Trong khi Nga đang áp dụng lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm từ các nước phương Tây và một số nước khác, Việt Nam sẽ có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản để bù đắp thiếu hụt tại thị trường này.

11 nước thành viên tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) cùng Việt Nam là Mỹ, Nhật Bản, Canada, Australia, Singapore, Mexico, Malaysia, New Zealand, Chile, Peru và Brunei đều là những đối tác quan trọng của thủy sản Việt Nam. Năm 2015, ước tính tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang 11 thị trường này đạt gần khoảng 3 tỉ USD, chiếm 46% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Với những thuận lợi trên, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp ngành thủy sản nói chung và cho AGIFISH nói riêng.

## **8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Với định hướng phát triển sản phẩm giá trị gia tăng, mở rộng vùng nuôi, quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, cung ứng sản phẩm vào các hệ thống phân phối lớn phục vụ người tiêu dùng, tăng cường hợp tác với công ty liên kết của AGIFISH trong hệ thống tập đoàn Hùng Vương, Công ty CP thức ăn Việt Thắng... trên phương diện chia sẻ, hỗ trợ tài chính thức ăn cho cá cũng như chế biến xuất khẩu, tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận, giảm bớt chi phí trung gian, nâng cao năng lực cạnh tranh, sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm là hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành thủy sản, phù hợp với nhu cầu thị trường thế giới.



## **9. Chính sách đối với người lao động**

### **9.1. Số lượng người lao động trong Công ty**

Tính đến thời điểm 30/9/2015, tổng số lao động của Công ty là 2.950 người, với cơ cấu phân theo giới tính và trình độ chuyên môn được thể hiện cụ thể như sau:

**Bảng 5: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/9/2015**

Stt	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>2.950</b>	<b>100</b>
1	Nam	1.497	50,75
2	Nữ	1.453	49,25
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>2.950</b>	<b>100</b>
1	Trên đại học	2	0,07
2	Đại học	169	5,73
3	Cao đẳng	35	1,19
4	Trung cấp	137	4,64
5	Công nhân kỹ thuật, sơ cấp và lao động phổ thông	2.607	88,37

*Nguồn: Báo cáo thường niên 2015 của Agifish*

### **9.2. Chính sách đối với người lao động**

#### **9.2.1. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

Chính sách lương – thưởng của Công ty thường xuyên được cập nhật, đảm bảo đúng các quy định về mức lương tối thiểu chung, lương tối thiểu vùng của Nhà nước theo từng thời điểm:

- Chế độ nâng lương cho CBCNV được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng quy định của Nhà nước và Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Khi lương tối thiểu theo quy định của nhà nước tăng thì lương của người lao động cũng được tăng theo. Người lao động làm việc ở vị trí nào thì được hưởng lương công việc theo vị trí đó. Đến hạn nâng lương thì người lao động sẽ được trình xét nâng lương theo đúng niên hạn.
- Người lao động làm việc được hưởng lương theo thời gian đối với các công việc không khoán được sản phẩm (khởi hành chính, kế toán...), hưởng lương theo sản phẩm đối với các công việc khoán theo sản phẩm, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Người lao động làm thêm ngoài giờ được chi trả tiền làm thêm ngoài giờ theo quy định của Nhà nước.
- Vào các dịp lễ, tết Công ty đều có chính sách thưởng cho người lao động, mức thưởng tùy



thuộc vào hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh. Tổng kết cuối năm căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc, người lao động được bình xét thi đua khen thưởng.

- Các trường hợp nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức...) Công ty đều thanh toán 100% lương cơ bản cho người lao động. Lao động nữ sau khi sinh được Công ty trợ cấp theo quy định của pháp luật.

### **9.2.2. Chính sách đào tạo**

Công ty luôn xác định nhân tố con người là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ CBCNV, đặc biệt chú trọng đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về các tiêu chuẩn chất lượng HACCP... kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề chuyên môn, đào tạo công nhân viên giỏi ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường các công tác đào tạo nội bộ, tích lũy kinh nghiệm cho CBCNV.

### **9.2.3. Các hoạt động đoàn thể xã hội**

Công ty luôn chú trọng các hoạt động đoàn thể để nâng cao tinh thần đoàn kết cho CBCNV của Công ty. Vào các ngày lễ như: 8/3, 20/10, 1/6... Công ty đều có những hoạt động kỷ niệm để chào mừng. Các ban, ngành, đoàn thể tại Công ty luôn được lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động tốt. Các hoạt động đoàn thể của công ty ngày một ổn định, sinh động góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV. Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ, bệnh tật.

## **10. Chính sách cổ tức**

AGIFISH tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối toàn bộ số tiền là 93.847.390.710 đồng và điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015 từ chi bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%/vốn điều lệ sang phương án chi bằng tiền mặt tỷ lệ 25%/vốn điều lệ (2.500 đồng/cổ phiếu) và đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 23/10/2015 thông qua mức chi trả cổ tức này. Niên độ tài chính 2015 – 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 26/01/2016 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ.

Những năm tiếp theo, AGIFISH tiếp tục thực hiện chính sách cổ tức theo định hướng ổn định lâu dài và ưu tiên đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.



## **11. Tình hình tài chính**

### **11.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Trong các năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Tuy nhiên, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, ngày kết thúc kỳ kế toán năm của Công ty đã thay đổi từ ngày 31 tháng 12 sang ngày 30 tháng 09 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 19 tháng 3 năm 2015. Theo đó, kỳ kế toán cho năm 2015 của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015. Kỳ kế toán cho các năm tài chính sau đó bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

#### **11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ**

Chi phí khấu hao của được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được xác định theo nguyên giá trừ (–) giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.
- Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh do việc thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Quyền sử dụng đất: Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

**Bảng 6: Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ**

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
2	Máy móc, thiết bị	2 – 12



Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
3	Phương tiện vận tải	6 – 10
4	Thiết bị văn phòng	2 – 6
5	Phần mềm	3 – 5
6	Tài sản khác	3 - 10
7	Quyền sử dụng đất	48

Nguồn: Agifish

#### 11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện tốt, thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn trong năm 2015.

#### 11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí và lệ phí...

**Bảng 7: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	30/09/2015
1	Thuế GTGT	200.222.912	-	356.950.159
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.530.606.505	12.446.136.435	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.005.991.977	1.273.531.852	351.193.095
4	Thuế nhập khẩu và xuất khẩu	-	-	-
5	Các khoản khác		1.500.000	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21.736.821.394</b>	<b>13.721.168.287</b>	<b>708.143.254</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán 30/9/2015 Agifish

#### 11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. AGIFISH thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.



**Bảng 8: Số dư các quỹ**
*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Các quỹ	Năm 2013	Năm 2014	30/9/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	80.988.102.710	80.988.102.710	93.847.390.710
2	Quỹ dự phòng tài chính	12.859.288.000	12.859.288.000	-
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.951.764.101	4.672.886.624	5.695.708.517
4	Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>96.799.154.811</b>	<b>98.520.277.334</b>	<b>99.543.099.227</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán 30/9/2015 Agifish*

**11.1.5. Tổng dư nợ vay**
**Bảng 9: Tổng dư nợ vay 30/9/2015**
*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	337.558.969.712
2	Ngân hàng TMCP tập đoàn Petrolimex – Chi nhánh An Giang	101.854.360.000
3	Ngân hàng Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	82.229.030.000
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN HCM	241.299.473.027
5	Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam – CN HCM	102.195.400.000
6	Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh An Giang	98.213.920.400
7	Ngân hàng TNHH Indovina – CN Cần Thơ	47.832.894.555
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.011.184.047.694</b>

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán 30/9/2015 của Agifish*

**11.1.6. Tình hình công nợ**

➤ **Các khoản phải thu:**

**Bảng 10: Các khoản phải thu**
*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	30/9/2015
		Tổng số	Tổng số	Tổng số
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	596.381.042.282	747.804.121.704	482.895.132.481



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	30/9/2015
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	155.246.978.733	62.062.997.155	54.642.352.184
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	8.100.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	12.574.950.087	46.614.439.619	38.622.880.154
5	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-60.768.308.946	(71.264.216.207)	(76.051.573.883)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>703.434.662.156</b>	<b>785.217.342.271</b>	<b>508.208.790.936</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán 30/9/2015 của Agifish

➤ **Các khoản phải trả:**

**Bảng 11: Các khoản phải trả**

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	30/9/2015
		Tổng số	Tổng số	Tổng số
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.417.804.654</b>	<b>1.339.421.676</b>	<b>1.660.758.141</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	1.059.019.430	930.375.959	1.011.184.047
2	Phải trả cho người bán	305.661.962	361.777.514	600.576.152
3	Người mua trả tiền trước	2.087.174	3.493.360	1.741.141
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.206.214	1.275.031	708.143
5	Phải trả người lao động	25.842.600	14.416.445	15.234.101
6	Chi phí phải trả	16.120.239	21.060.295	16.027.414
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.915.268	2.350.183	9.591.431
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.951.764.	4.672.886	5.695.708
<b>II</b>	<b>Nợ và vay dài hạn</b>	<b>13.292.532</b>	<b>12.277.894</b>	<b>12.225.264</b>
1	Vay và nợ dài hạn	13.292.532	12.277.894	-
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	1.937.500
3	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	10.287.764

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán 30/9/2015 của Agifish



**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	30/9/2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1.28	1.35	1,08
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.69	0.74	0,37
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.64	0.61	0,66
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1.75	1.56	1,95
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	3.56	2.93	1,55
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	1.36	1.25	0,68
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0.007	0.026	-0,0002
+ Tỷ suất LN HĐ SXKD/Tổng tài sản	%	0.009	0.033	-0,0021
+ Tỷ suất LN sau thuế/DT thuần	%	0.013	0.030	-0,0003
+ Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0.026	0.083	-0,0005
<b>5. Chỉ tiêu liên quan tới cổ phần</b>				
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	834	2.822	-17
+ Giá trị sổ sách trên cổ phần	đồng	31.202	31.026	30.482

*Nguồn: Agifish*



**12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát****12.1. Hội đồng quản trị****Bảng 13: Danh sách thành viên HĐQT**

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh	Số cổ phần nắm giữ
1	Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	Nam	1956	11.000
2	Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	Nam	1956	0
3	Nguyễn Văn Ký	Thành viên	Nam	1958	0
4	Phù Thanh Danh	Thành viên	Nam	1967	220.424
5	Võ Thành Thông	Thành viên	Nam	1967	34.522

*Nguồn: Agifish***12.2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng****Bảng 14: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Văn Ký	Tổng Giám đốc	Nam	1958	0
2	Phù Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc	Nam	1967	220.424
3	Võ Thành Thông	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Nam	1967	34.522
4	Võ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Nam	1975	5.500

*Nguồn: Agifish***12.3. Ban kiểm soát****Bảng 15: Danh sách Ban kiểm soát**

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Giới tính	Năm sinh	Số cổ phần nắm giữ
1	Lê Nam Hải	Trưởng ban	Nam	1971	0
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Nam	1983	0
3	Triệu Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên	Nữ	1985	0

*Nguồn: Agifish*



**13. Tài sản**

Giá trị TSCĐ chủ yếu năm 2015 Công ty như sau:

**Bảng 16: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 30/9/2015**

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>575.988.702.988</b>	<b>313.001.965.439</b>	<b>262.986.737.549</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	169.512.630.991	58.537.322.642	110.975.308.349
2	Máy móc, thiết bị	388.681.335.212	243.023.816.494	145.657.518.718
3	Phương tiện vận tải	16.329.005.419	10.148.387.523	6.180.617.896
4	Thiết bị văn phòng	1.348.813.184	1.228.139.547	120.673.637
5	TSCĐ hữu hình khác	116.918.182	64.299.233	52.618.949
<b>II</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>67.588.245.044</b>	<b>446.087.809</b>	<b>67.142.157.235</b>
1	Quyền sử dụng đất	67.372.729.044	230.571.809	67.142.157.235
2	Phần mềm	215.516.000	215.516.000	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>643.576.948.032</b>	<b>313.448.053.248</b>	<b>330.128.894.784</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 30/9/2015 của Agifish*

Tổng diện tích đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng là **678.238,10 m<sup>2</sup>**, tập trung chủ yếu tại Tỉnh An Giang, trong đó:



**Bảng 17: Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng**

Stt	Số GCNQSDĐ/ QĐ/HĐMB	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Thời gian sử dụng	Đất thuê/sở hữu	Mục đích sử dụng đất
1	2036/QĐ-UBND	Khóm Bình Đức 5, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	43.801,0	Lâu dài	Sở hữu	Dự án khu dân cư
2	121988	Khóm Bình Đức 5, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	434,10	Lâu dài	Sở hữu	Dự án khu dân cư
3	576761	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	952,60	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
4	488330	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	11.393,70	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
5	406109	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	1.061,90	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
6	488355	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	2.189,50	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
7	488358	Hẻm Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	72,30	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
8	271658	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	1.558,00	48 năm 05 tháng	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
9	HĐMB	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	91,8	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
10	HĐMB	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	165,8	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
11	HĐMB	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cẩn Xây)	30,5	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9





Stt	Số GCNQSDĐ/ QĐ/HĐMB	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Thời gian sử dụng	Đất thuê/sở hữu	Mục đích sử dụng đất
12	HĐMB	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cần Xây)	71,7	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
13	HĐMB 19/06/2006	Quốc lộ 91, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Ấp Chiến Lược-Cầu Cần Xây)	45,00	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
14	704416	Đường Ấp Chiến Lược, P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang (đoạn Quốc lộ 91-Trường Lương Thế Vinh)	6.091,50	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
15	508066	P.Bình Đức, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	4.941,60	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 9
16	531882	Ấp Hòa Long 4, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (QL91, đoạn Cầu Chắc Cà Dao-Cây xăng Nguyễn Thị Dạm)	750,00	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 8
17	936657	Lộ Sông Hậu, Ấp Hòa Long 4, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	229,20	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 8
18	121941	Lộ Sông Hậu, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	573,80	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 8
19	121961	Lộ Sông Hậu, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (MT Lộ Sông Hậu)	118,80	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 8
20	121942	Lộ Sông Hậu, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (MT Lộ Sông Hậu)	106,00	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 8
21	121943	Lộ Sông Hậu, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	99,50	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí nghiệp Đông lạnh 8
22	271659	Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (QL91, đoạn Cầu Chắc Cà Dao-Cây xăng	1.028,00	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Stt	Số GCNQSDĐ/ QĐ/HĐMB	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Thời gian sử dụng	Đất thuê/sở hữu	Mục đích sử dụng đất
		Nguyễn Thị Đạm)				ng nghiệp Đông lạnh 8
23	121945	Lộ Sông Hậu, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	77,70	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí ng nghiệp Đông lạnh 8
24	347512	Ấp Hòa Long 4, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (QL91, đoạn Cầu Chắc Cà Đao-Cây xăng Nguyễn Thị Đạm)	1.744,00	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí ng nghiệp Đông lạnh 8
25	346575	Ấp Hòa Long 1, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (QL91, đoạn Cầu Chắc Cà Đao-Cây xăng Nguyễn Thị Đạm)	2.368,00	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí ng nghiệp Đông lạnh 8
26	969143	Ấp Hòa Long 1, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang (QL91, đoạn Cầu Chắc Cà Đao-Cây xăng Nguyễn Thị Đạm)	3.395,00	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí ng nghiệp Đông lạnh 8
27	HĐMB	Quốc lộ 91, P.Mỹ Thạnh, Tp.Long Xuyên, An Giang (đoạn Nhà máy Gạch ACERA-Cầu Cái Sắn)	19.674,70	Lâu dài	Sở hữu	Khuôn viên Xí ng nghiệp kho vận
28	HĐMB	Tân an, P. Thuận Hưng, Q. Thốt Nốt	26.664,5	Lâu dài	Sở hữu	Vùng nuôi Thốt Nốt
29	HĐMB	Xã An Thạnh Trung, H. Chợ Mới An Giang	153.955,00	Lâu dài	Sở hữu	Vùng nuôi An Thạnh Trung
30	132/HĐ.TĐ	P.Bình Đức, Tp Long Xuyên, An Giang	7.992	43 năm 05 tháng	Thuê trả tiền hàng năm	Xí nghiệp 7, xí ng nghiệp 360, Văn phòng Công ty
			24.643,9			
31	133/HĐ.TĐ	Thị trấn An Châu, H. Châu Thành, An Giang	1.778,0	43 năm 09 tháng	Thuê trả tiền hàng năm	Khuôn viên Xí ng nghiệp đông lạnh 8





Stt	Số GCNQSDĐ/ QĐ/HĐMB	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Thời gian sử dụng	Đất thuê/sở hữu	Mục đích sử dụng đất
32	134/HĐ.TĐ	Thị trấn An Châu, H. Châu Thành, An Giang	1.745,0	43 năm 08 tháng	Thuê trả tiền hàng năm	Khuôn viên Xí nghiệp đông lạnh 8
33	135/HĐ.TĐ	Thị trấn An Châu, H. Châu Thành, An Giang	984,0	43 năm 02 tháng	Thuê trả tiền hàng năm	Khuôn viên Xí nghiệp đông lạnh 8
34	37/HĐ.TĐ	Xã An Nhơn, H. Châu Thành, Đồng Tháp	82.547,30	Từ 09/3/2015 đến 31/12/2032	Thuê trả tiền hàng năm	Vùng nuôi
			37.918,0			
			25.361,7			
35	14/QĐ-UBND- NĐ	Xã Tân Nhuận Đông, H. Châu Thành, Đồng Tháp	62.672,2	16/4/2033	Trả 1 lần	Vùng nuôi
			12.950,7			
			1.502,5			
36	56/HĐ/TĐ	Xã An Nhơn, H. Châu Thành, Đồng Tháp	64.173,7	Từ 22/6/2015 đến 16/4/2033	Thuê trả tiền hàng năm	Vùng nuôi
37	312/QĐ-UBND	Xã An Nhơn, H. Châu Thành, Đồng Tháp	70.277,9	Từ 2015 đến 2035	Trả 2 lần	Vùng nuôi
		<b>Tổng cộng</b>	<b>678.232,10</b>			

Nguồn: AGIFISH



#### 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 -2016

**Bảng 18: Kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2015 - 2016 của Agifish**

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu sản lượng</b>				
1	Sản lượng cá tra fillet xuất khẩu	Tấn	29.500	16.772	30.000
2	Sản lượng cá tra fillet bán nội địa	Tấn		5.674	6.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa				
	- Hàng chế biến GTGT				
	▪ Sản lượng	Tấn	1.650	1.491	2.400
	▪ Doanh thu	Tỷ đồng	83	91	120
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu kim ngạch XNK</b>				
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	75.000.000	44.700.250	110.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	7.500.000	350.712	2.000.000
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.250	1.719	2.800
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.175	1.718,84	2.750
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	75	0,16	50
<b>IV</b>	<b>Kế hoạch quỹ, tiền lương</b>				
1	Tổng Lao động	Người	3.100	2.950	2.500
2	Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng	5.000.000	4.700.000	4.800.000

*Nguồn: Báo cáo thường niên 2015 của Agifish*

#### 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang, cùng với việc phân tích ngành, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Agrifish dự kiến trong giai đoạn 2015 – 2016 là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

Agriseco lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự



báo. Agriseco khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc phát hành**

Không có



## **V. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN CỔ PHẦN**

### **1. Những thông tin cơ bản về việc chào bán**

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang
- Tên tiếng Anh : Angiang Fisheries Import & Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt : AGIFISH Co.
- Địa chỉ trụ sở : 1234 Trần Hưng Đạo, P.Bình Đức, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : (84.763) 852 939 – 852 368
- Fax : (84.763) 852 202
- Website : [www.agifish.com.vn](http://www.agifish.com.vn)
- Vốn điều lệ : 281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi một tỷ không trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần chào bán : 2.316.892 cổ phần (tương đương 8,24% vốn điều lệ)
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 231.689.200.000 đồng
- Giá khởi điểm chào bán : 28.100 đồng/cổ phần và không thấp hơn giá sàn giao dịch trên thị trường tại ngày ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, tổ chức được đăng ký mua tối thiểu: 20.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, tổ chức được đăng ký mua tối đa: 2.316.892 cổ phần
- Bước khối lượng: 100 cổ phần
- Bước giá: 100 đồng/cổ phần
- Hình thức chào bán : Giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và chuyển nhượng thông qua hệ thống của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- Phương thức lựa chọn nhà đầu tư: Chào bán cạnh tranh

### **2. Mục đích của việc chào bán**

Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần chỉ làm thay đổi



tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

### **3. Địa điểm công bố thông tin**

Thông tin cụ thể liên quan đến Tổ chức phát hành gồm Bản công bố thông tin, Quy chế chào bán và đợt chào bán được công bố tại:

- **Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**
  - Địa điểm: Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội
  - Điện thoại: (84 – 4) 6276 2666 Fax: (84 – 4) 6276 5666
  - Tại website: [www.agriseco.com.vn](http://www.agriseco.com.vn)
- **Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**
  - Địa điểm: Lầu 2, Số 2A Phó Đức Chính, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
  - Điện thoại: (84 – 8) 38216362 Fax: (84 – 8) 38216361
- **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**

Tại website: [www.scic.vn](http://www.scic.vn)
- **Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang**
  - Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
  - Điện thoại: (84.763) 852 368 – 852 939 Fax: (84.763) 852 202

### **4. Đối tượng tham gia chào bán cạnh tranh và các quy định liên quan**

#### **4.1. Đối tượng tham gia chào bán cạnh tranh**

Là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:

- ❖ **Nhà đầu tư trong nước:** là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giá đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động có địa chỉ cụ thể, rõ ràng, nếu không phải người đại diện theo pháp luật của tổ chức thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- ❖ **Nhà đầu tư nước ngoài:** ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.



- ❖ **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư:** Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.
- ❖ Mỗi nhà đầu tư được phát một phiếu tham dự chào bán cạnh tranh và chỉ được ghi 01 mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự chào bán cạnh tranh.
- ❖ Riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài, ngoài các điều kiện trên còn phải thỏa mãn tỷ lệ tối đa được phép mua theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **4.2. Điều kiện tham gia chào bán cạnh tranh**

- ❖ Có Đơn đăng ký tham gia chào bán cạnh tranh theo đúng mẫu và nộp đúng thời hạn quy định.
- ❖ Đặt cọc đủ giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban tổ chức chào bán cạnh tranh công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký tham gia chào bán cạnh tranh.
- ❖ Tuân thủ các quy định của Quy chế chào bán cạnh tranh.

#### **5. Nộp Đơn đăng ký tham gia chào bán cạnh tranh**

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia chào bán cạnh tranh và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

- ❖ **Đối với cá nhân trong nước:**
  - Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
  - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với tổ chức trong nước:**
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
  - Giấy ủy quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
  - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**



- Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.
- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Giấy ủy quyền (nếu có);
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

## **6. Lập và nộp Phiếu tham dự chào bán cạnh tranh**

### **6.1. Phiếu tham dự chào bán cạnh tranh hợp lệ là:**

- Phiếu do Tổ chức thực hiện bán chào bán cạnh tranh cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định; Tổng số cổ phần đặt mua bằng mức đăng ký.
- Phiếu tham dự chào bán cạnh tranh phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.

### **6.2. Bỏ Phiếu tham dự chào bán cạnh tranh kín theo đúng thời hạn quy định**

## **7. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần**

Ngay sau khi có kết quả chào bán cạnh tranh, kết quả chào bán cạnh tranh sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử [www.agriseco.com.vn](http://www.agriseco.com.vn), [www.scic.vn](http://www.scic.vn) để các Nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

## **VI. THAY LỜI KẾT**

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia mua cổ



phần chào bán cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai .... phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

*Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2016*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN CHÀO BÁN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**(đã ký)**

**NGUYỄN VĂN KÝ**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**  
**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**(đã ký)**

**PHAN VĂN TUẤN**